TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 24/2021/QĐST-HNGĐ	*Ninh Kiều,* ngày 02 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 717/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa:

* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thế H,** sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 127/8F2/46B đường Mậu Thân, KV5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: 57 (Hẻm 9) đường Phạm Ngọc Hưng, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Tuyết H**, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: 127/8F2/46B đường Mậu Thân, KV5, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ áp dụng:

- Điều 212, Điều 213; Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Thế H và bà Trần Thị Tuyết H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế H và bà Trần Thị Tuyết H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung tên 1. Nguyễn Thế A (Giới tính: Nam), sinh ngày: 29/11/2005; 2. Nguyễn Thế M (Giới tính: Nam), sinh ngày: 15/6/2012 cho bà Trần Thị Tuyết H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thế H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con chung là 2.000.000 đồng/con/tháng (Hai triệu đồng mỗi tháng mỗi con chung) (Tổng cộng 02 con chung là 4.000.000 đồng, bốn triệu đồng hai con chung mỗi tháng). (Thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi con chung tròn 18 tuổi).

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H. Không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ em được pháp luật bảo vệ: Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhận thấy việc nuôi con chung của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không tốt thì có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung (người trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông – Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông – bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Mỗi người phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định; Tại buổi hòa giải ông Nguyễn Thế H có ý kiến tự nguyện nộp toàn bộ án phí. Nên ông H phải chịu số tiền án phí là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng); chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 003290, ngày 13/11/2020 ông H đã nộp thành án phí. Các đương sự đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự số 64/2014/QH13, ngày 25/11/2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

**** Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- UBND Phường;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lê Thiên Bảo